TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 04/4/2024
"V/v: Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân. Ông Bùi Đức Nhân và bà Lê Thu Thuý

- Th¬ư ký phiên tòa. Ông Phạm Anh T - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hạ Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên toà. Bà Trương Thị Khánh Ly và bà Nguyễn Thị Thuỳ - kiểm sát viên

Ngày 04/4/2024, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 273/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/9/2023 về việc " *Tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*" theo Quyết định đ¬ưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn. Anh **Vũ Anh T**, sinh năm 1980. Nơi thường trú: Tổ 1, khu 2, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Nơi tạm trú: xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1979. Nơi thường trú: Tổ 1, khu 2, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Về quan hệ hôn nhân:**

Theo đơn khởi kiện, trong bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn anh Vũ Anh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 26/9/2008, tại Uỷ ban nhân dân phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Việc kết hôn trên cơ sở Hn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép; trước khi kết hôn

Chỉnh sửa bằng WPS Office

chưa ai có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Chị H là người sống không tình cảm, thiếu trách nhiệm với chồng và gia đình nhà chồng nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, dẫn đến không khí gia đình căng thẳng, không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong khoảng thời gian anh bị bắt tạm giam do bị truy cứu trách nhiện hình sự từ tháng 3/2023 đến tháng 7/2023 tại tỉnh Thái Nguyên, chị H không hề quan tâm, hỏi han, thăm gặp, mặc dù đây là giai đoạn khó khăn nhất của cuộc đời con người. Đã từ lâu anh không còn tình cảm với chị H nữa nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Về Hn cảnh và điều kiện kết hôn giữa chị và anh T chị xác nhận như anh T đã trình bày là đúng. Về quá trình vợ chồng chung sống sau khi kết hôn vợ chồng có xảy ra những xung đột. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không chung thuỷ với vợ, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị có biết việc anh T ngoại tình và khuyên giải, tha thứ cho anh T nhiều lần. Việc chị không thăm gặp anh T khi anh T bị bắt giam là do điều kiện chị một mình phải chăm sóc hai con. Đến nay chị vẫn muốn gìn giữ gia đình để các con có đủ bố, mẹ nên anh T xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn. Chị đưa ra biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng là anh T cần xin chuyển công tác về gần nhà để chấm dứt việc quan hệ ngoại tình.

*** Về con chung**: Anh T và chị H trình bày: Quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung là Vũ Nguyễn Hà L, sinh ngày 22/5/2009 và Vũ Đình Quang H, sinh ngày 06/6/2016.

Quan điểm của anh T: Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Đình Quang H và đề nghị giao con chung Vũ Nguyễn Hà L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên toà anh có quan điểm: Do anh thường xuyên làm việc xa nhà nên điều kiện chăm con không tốt bằng chị H. Quá trình giải quyết vụ án chị H có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung nên anh cũng đồng ý với quan điểm với chị H, đề nghị Toà án giao 02 người con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Quan điểm của chị H: Do công việc của anh T thường xuyên phải làm xa nhà, vì vậy nếu ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung cho đến khi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000 đồng/tháng đối với mỗi người con chung. Anh T đồng ý với mức cấp dưỡng chị H đưa ra.

*** Về tài sản chung**: Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai, anh T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

Tài sản thứ 1: Quyền sử dụng thửa đất tại địa chỉ: Ô số 143, QH khu TĐC

Chỉnh sửa bằng WPS Office

mỏ than Núi Béo Khe Cá, phường Hà Phong, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Diện tích thửa đất được cấp: 270m^2. Hình thức sử dụng: Riêng 270m^2, chung: 0m^2. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Thửa đất trên đã được Uỷ ban nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CK 667422; số vào sổ cấp GCN: CH 16123, ngày cấp: 13/9/2017 cho ông Vũ Anh T và bà Nguyễn Thị H. Trên đất không có công trình xây dựng gì.

Tài sản thứ 02: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 312, tờ bản đồ địa chính số 46. Địa chỉ thửa đất: Tổ 1, khu 2, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Diện tích đất được cấp: 68m^2. Hình thức sử dụng: Riêng 68m^2, chung: không. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Tài sản gắn liền với thửa đất trên: 01 ngôi nhà 3 tầng, xây khung trụ bê tông cốt thép; tường xây gạch đỏ, mái bằng đổ bê tông, sàn lát gạch men; tổng diện tích các sàn là 199,65m^2. Cầu thang ốp đá; lan can cầu thang bằng gỗ mộc. Thửa đất trên đã được Uỷ ban nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 007712; số vào sổ cấp GCN: CH 01936, ngày cấp: 04/4/2013; cấp cho ông Vũ Anh T và bà Nguyễn Thị H.

Quan điểm của anh T: Tại Đơn khởi kiện anh T đề nghị Toà án chia đôi tài sản chung bằng hiện vật; cụ thể: Đề nghị giao cho anh được quyền sở hữu *Tài sản thứ 01* và giao cho chị H được quyền sở hữu *Tài sản thứ 02*. Chị H có nghĩa vụ thanh toán tiền chệnh lệch tài sản cho anh là 350.000.000 đồng.

Quan điểm của chị H:

Về cách thức chia: Nếu ly hôn chị đồng ý chia bằng hiện vật. Chị đề nghị được sở hữu *Tài sản thứ 02*, anh T được sở hữu *Tài sản thứ 01.*

Về trị gái tài sản chị được hưởng:

Đối với *Tài sản thứ 1*: Yêu cầu Toà án phân chia theo tỷ lệ chị được hưởng 70% trị giá tài sản, anh T được hưởng 30% trị giá tài sản, do anh T có lỗi đã quan hệ ngoại tình trong thời kỳ hôn nhân.

Đối với *Tài sản thứ 02*: Chị đề nghị chị và anh T mỗi người được chia 50% trị giá tài sản.

Sau khi xác định tỷ lệ được hưởng, ai được hưởng phần tài sản có giá trị cao hơn theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản do Toà án thành lập thì phải thanh toán tiền chênh lệch cho bên còn lại.

Tại phiên toà, anh T đồng ý với quan điểm phân chia tài sản như quan điểm của chị H và đã thay đổi yêu cầu về phân chia tài sản như sau: Yêu cầu chia tài sản bằng hiện vật. Anh được sở hữu *Tài sản thứ 01*, chị H được hưởng *Tài sản thứ 02* và anh phải có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị H căn cứ vào kết quả giá của Hội đồng định giá tài sản.

Chỉnh sửa bằng WPS Office

Ngoài ra, anh T, chị H không yêu cầu Toà án phân chia tài sản nào khác và đều có quan điểm anh chị không vay nợ tiền, tài sản của cá nhân, tổ chức nào.

Toà án đã tiến hành xác minh tại tổ 1, khu 2, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh là nơi anh chị sinh sống, đại diện tổ 1 cho biết: Anh Vũ Anh T và chị Nguyễn Thị H quá trình sinh sống tại địa phương không có biểu hiện mâu thuẫn, còn nội tình cuộc sống vợ chồng như thế nào ông không nắm được, Cách đây khoảng 01 năm, ông được mời sang nhà chị H để chứng kiến sự việc liên quan đến đất đai thì chỉ có chị H ở nhà, còn anh T không có nhà do đi làm xa. Khi đó chị H có nói với ông là vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ lâu. Anh chị có 02 người con chung (01 người con trai và 01 người con gái) hiện đang sống cùng chị H. Các con chung của anh chị có sức khoẻ bình thường, đang học tập tại trường học ở địa phương.

Tại Biên bản ghi nhận nguyện vọng của 02 người con chung của anh chị, thể hiện: Quan điểm của cháu Vũ Nguyễn Hà L và cháu Vũ Đình Quang Huy đều trình bày nếu bố mẹ ly hôn thì có nguyện vọng ở với mẹ là chị Nguyễn Thị H

Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/10/2023 của Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, thể hiện:

Tài sản thứ 01: Có diện tích, địa chỉ và đặc điểm trên hiện trạng giống như các thông tin thể hiện trong Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 6667422, cấp ngày 13/9/2017 cho ông Vũ Anh T và bà Nguyễn Thị H.

Tài sản thứ 02: Về phần đất: Có diện tích, đặc điểm, địa chỉ giống như các thông tin trong Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 007712, do Uỷ ban nhân dân thành phố Hạ Long cấp cho ông Vũ Anh T và bà Nguyễn Thị H ngày 04/4/2013.Về công trình xây dựng trên thửa đất này: Có xây dựng 01 ngôi nhà 03 tầng, xây khung trụ bê tông cốt thép; tường xây gạch đỏ, mái bằng đổ bê tông, sàn lát gạch men; tổng diện tích các sàn là 199,65m^2. Cầu thang ốp đá; lan can cầu thang bằng gỗ mộc.

(Có sơ đồ đo vẽ đối với 02 tài sản kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, do Công ty Cổ phần tư vấn khảo sát và đo đạc bản đồ Hạ Long thực hiện)

Kết qủa định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản như sau:

Tài sản thứ 01: Giá trị quyền sử dụng đất: 270m^2 x 4.000.000 đồng/m^2 x 1,7 = 1.836.000.000 đồng.

Tài sản thứ 02:

Giá trị quyền sử dụng đất là: 68m^2 x 2.000.000 đồng x 1,2 = 163.200.000 đồng. Giá trị công trình trên đất: 199,65m^2 x 7.988.000 đồng/m^2 x 81,6% = 1.252.982.000 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và công trình gắn liền trên đất: 163.200.000 đồng + 1.252.982.000 đồng = 1.416.182.000 đồng.

Chỉnh sửa bằng WPS Office

Các đương sự không có ý kiến gì về trị giá các tài sản mà Hội đồng định giá đã kết luận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa có quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn vắng mặt tại phiên H giải là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Vũ Anh T và chị Nguyễn Thị H ly hôn, giao con chung cháu Vũ Nguyễn Hà L và Vũ Đình Quang Huy cho chị H nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 4triệu đồng/tháng đối với mỗi con chung.

Về tài sản chung: Chấp nhận thoả thuận của các bên tại phiên toà, giao cho chị H quản lý, sử dụng đối với ***Tài sản thứ 02*** và giao cho anh T quản lý, sử dụng đối với ***Tài sản thứ 01***. Anh T phải có trách nhiệm thanh toán phần tiền chênh lệch cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản khi ly hôn. Bị đơn chị Nguyễn Thị H thường trú tại thành phố Hạ Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hạ Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Anh T:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Vũ Anh T và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2008, tại Uỷ ban nhân dân phường H2, thành phố Hạ Long; đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình anh chị chung sống, từ năm 2021 đến nay anh chị có nhiều mâu thuẫn, xung đột. Anh T có quan điểm chị H sống không tình cảm, không có trách nhiệm với chồng và gia đình nhà chồng. Chị H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Do đặc thù công việc của anh T phải làm việc xa nhà nên thời gian gần đây anh cũng ít về nhà; thiếu sự quan tâm đến gia đình, con cái; vợ chồng hầu như không chuyện trò với nhau. Chị H có quan điểm muốn gìn giữ gia đình để con cái có cả bố và mẹ; đồng thời chị đưa ra biện pháp khắc phục mâu thuẫn là anh T cần xin về làm việc gần nhà, nhưng anh T không chấp nhận. Anh T xác định không còn tình cảm với chị H từ lâu. Anh cũng

Chỉnh sửa bằng WPS Office

thừa nhận trước đây có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị H biết được, đã tha thứ cho anh và anh đã chấm dứt mối quan hệ đó; nhưng anh không còn tình cảm với chị H nữa. Quá trình Toà án giải quyết vụ án cũng thể hiện anh chị có nhiều quan điểm bất đồng; không tìm được tiếng nói chung, quan hệ vợ chồng không H hợp, hạnh phúc. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T ly hôn với chị H.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 (hai) người con chung là Vũ Nguyễn Hà L, sinh ngày 22/5/2009 và Vũ Đình Quang Huy, sinh ngày 06/6/2016; hiện nay các con chung của anh chị đang do chị H chăm sóc; đều phát triển khoẻ mạnh; học tập bình thường; không có nhược điểm về thể chất, tinh thần. Anh chị thống nhất quan điểm đề nghị giao cả 02 người con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, chị H có chỗ ở, có thu nhập và đảm bảo các điều kiện về giáo dục, dạy dỗ con chung; anh T thường xuyên công tác xa nhà; nguyện vọng của cả 02 (hai) con chung đều muốn ở với mẹ. Xét thấy, sự thoả thuận về con chung của anh chị là phù hợp, nhằm mục đích đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của các con chung của anh chị nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị H thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung. Xét sự thoả thuận của anh chị là tự nguyện nên chấp nhận, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H số tiền 4.000.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung.

[2.3] Về tài sản chung:

Tại phiên toà, anh T có yêu cầu chia tài sản có sự thay đổi so với Đơn khởi kiện. Xét thấy, việc thay đổi không quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T và chị H đều thống nhất quá trình chung sống anh chị có tài sản chung gồm ***Tài sản thứ 01*** và ***Tài sản thứ 02*** (như đã nêu ở phần trên). Nguồn gốc tài sản chung được tạo ra từ nguồn tiền tiết kiệm được của cả hai vợ chồng, tài sản đã được đăng ký hợp pháp đứng tên hai vợ chồng. Anh T và chị H đều thống nhất chia tài sản chung bằng hiện vật, trong đó anh T được sở hữu ***Tài sản thứ 01***, chị H được sở hữu ***Tài sản thứ 02***. Xét thấy, hiện nay chị H cùng các con đang sinh sống ổn định tại ngôi nhà 03 tầng tại địa chỉ tổ 1, khu 2, phường H2, thành phố Hạ Long (Tài sản thứ 02); còn anh T thường xuyên công tác xa nhà, không cố định ở một nơi nên nhu cầu về chỗ ở ổn định tại thành phố Hạ Long chưa thực sự cấp thiết. Sự thoả thuận của anh chị là phù hợp với Hn cảnh thực tế của anh chị và cũng phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về tỷ lệ phân chia tài sản:

Đối với ***Tài sản thứ 01***: Chị H có quan điểm anh T được hưởng 30% trị giá tài sản; chị H được hưởng 70% trị giá tài sản. Tại phiên toà, anh T chấp nhận quan điểm trên của chị H. Xét thấy sự thoả thuận của anh chị là Hn toàn tự nguyện, phù

Chỉnh sửa bằng WPS Office

hợp với điểm d khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Đối với *Tài sản thứ 02*. Anh T và chị H đều có quan điểm chia đôi, mỗi người được hưởng ½ trị giá tài sản. Sự thoả thuận của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Từ sự thoả thuận trên của anh chị, trị giá tài sản cụ thể anh T và chị H được hưởng như sau:

Đối với *Tài sản thứ 01:*

Anh T được hưởng: 1.836.000.000 đồng x 30% = 550.800.000 đồng

Chị H được hưởng: 1.836.000.000 đồng x 70% = 1.285.200.000 đồng.

Đối với *Tài sản thứ 02:*

Anh T và chị H mỗi người được hưởng: 1.416.282.000 đồng : 2 = 708.091.000 đồng.

Như vậy, tổng trị giá tài sản anh T được hưởng là: 550.800.000 đồng + 708.091.000 đồng = 1.258.891.000 đồng

Tổng trị giá tài sản chị H được hưởng là: 1.285.200.000 đồng + 708.091.000 đồng = 1.993.291.000 đồng.

Anh T được sở hữu *Tài sản thứ 01* có giá trị cao hơn trị giá tài sản anh được hưởng là: 1.836.000.000 đồng - 1.258.891.000 đồng = 577.109.000 đồng. Vì vậy, anh T phải thanh toán cho chị H tiền chênh lệch tài sản là 577.109.000 đồng.

Từ những nhận định trên đây, xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Do yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh T được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Về án phí chia tài sản chung: Anh T và chị H phải chịu án phí trên trị giá tài sản được chia. Cụ thể:

Số tiền án phí anh T phải chịu: 36.000.000 đồng + 3% x (1,258.891.000 đồng – 800.000.000 đồng) = 49.766.730 đồng.

Số tiền án phí chị H phải chịu là: 36.000.000 đồng + 3% x (1.993.291.000 đồng – 800.000.000 đồng) = 71.798.730 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, được chấp nhận (Đã nộp đủ)

[5] Về quyền kháng cáo: Anh T và chị H được quyền kháng cáo trong thời

Chỉnh sửa bằng WPS Office

hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ điểm a, b khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án của Uỷ ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Anh T về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H

1.2 Về con chung: Giao 02 (hai) người con chung là Vũ Nguyễn Hà L, sinh ngày 22/5/2009 và Vũ Đình Quang Huy, sinh ngày 06/6/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Vũ Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị H số tiền 4000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng đối với mỗi người con chung, kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3 Về tài sản chung:

Anh Vũ Anh T được quyền sử dụng thửa đất tại địa chỉ: Ô số 143, QH khu TĐC mỏ than Núi Béo Khe Cá, phường Hà Phong, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Diện tích thửa đất được cấp: 270m^2. Hình thức sử dụng: Riêng 270m^2, chung: 0m^2. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Thửa đất trên đã được Uỷ ban nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CK 667422; số

Chỉnh sửa bằng WPS Office

vào sổ cấp GCN: CH 16123, ngày cấp: 13/9/2017 cho ông Vũ Anh T và bà Nguyễn Thị H. Trên đất không có công trình xây dựng gì.

Chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng và sở hữu thửa đất số 312, tờ bản đồ địa chính số 46. Địa chỉ thửa đất: Tổ 1, khu 2, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Diện tích đất được cấp: 68m^2. Hình thức sử dụng: Riêng 68m^2, chung: không. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Tài sản gắn liền với thửa đất trên: 01 ngôi nhà 3 tầng, xây khung trụ bê tông cốt thép; tường xây gạch đỏ, mái bằng đổ bê tông, sàn lát gạch men; tổng diện tích các sàn là 199,65m^2. Cầu thang ốp đá; lan can cầu thang bằng gỗ mộc. Thửa đất trên đã được Uỷ ban nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 007712; số vào sổ cấp GCN: CH 01936, ngày cấp: 04/4/2013; cấp cho ông Vũ Anh T và bà Nguyễn Thị H.

Anh Vũ Anh T có nghĩa vụ thanh toàn tiền chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị H số tiền 577.109.000đ (Năm trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm L chín nghìn đồng).

Anh Vũ Anh T và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phối hợp với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành làm thủ tục chỉnh lý hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo nội dung bản án đã tuyên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Vũ Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, 300.0000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con và 49.766.730đ (Bốn mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm ba mươi đồng) án phí chia tài sản chung của vợ chồng. Số tiền tạm ứng án phí 20.500.000đ (Hai mươi triệu, năm trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002240 ngày 28/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh được trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm anh T phải chịu.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 71.798.730đ (Bảy mươi mốt triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi đồng) án phí chia tài sản chung của vợ chồng.

3. Về chi phí tố tụng khác: Anh Vũ Anh T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (Đã nộp đủ)

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Anh T và chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

Chỉnh sửa bằng WPS Office

phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục thi hành án DS TP Hạ Long;
- Các đương sự;
- UBND phường H2, TP Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Thanh

Chỉnh sửa bằng WPS Office